

Bản án số: 318/2026/DS -PT

Ngày: 14 -4- 2026

V/v Tranh chấp hụi

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đinh Cẩm Đào

*Các Thẩm phán:* Ông Bùi Anh Tuấn

Ông Nguyễn A Đam

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Nguyên, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Điện- Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 778/2025/TLPT-DS ngày 29 tháng 12 năm 2025 về việc “Tranh chấp hụi”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 69/2025/DS - ST ngày 19 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2026/QĐ-PT ngày 02 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc N - Sinh năm: 1968; CCCD số: 096168011112 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp S, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau (nay là ấp S, xã L, tỉnh Cà Mau).

- Bị đơn: Bà Lưu Mỹ N1 - Sinh năm: 1965 (xin xét xử vắng mặt).

Ông Nguyễn Văn S - Sinh năm: 1963 (xin xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau (nay là ấp T, xã L, tỉnh Cà Mau).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị H – sinh năm: 1982 (xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp S, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau (nay là ấp S, xã L, tỉnh Cà Mau).

- Người kháng cáo: Bà Lưu Mỹ N1, là bị đơn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 03 năm 2025 trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn trình bày:*

Bà có tham gia chơi hụi do bà Lưu Mỹ N1 làm chủ hụi nhưng tên trong danh sách hụi ghi tên em bà là bà Nguyễn Thị H cụ thể như sau:

Vào ngày 25/12/2019, bà Lưu Mỹ N1 mở hụi loại hụi 1.000.000 đồng, mỗi tháng khui 01 lần. Bà H tham gia 02 dây, dây 01 tham gia 2 chung, dây 02 tham gia 03 chung. Trong dây hụi này bà H tham gia 02 chung, bà N tham gia 03 chung. Dây hụi này bà đóng được 27 lần thì bà N1 đình hụi. Số tiền hụi chết của dây này có 05 chân là 135.000.000 đồng, trong đó của bà H là 02 chân x 27 lần x 1.000.000 đồng = 54.000.000 đồng. Của bà N là 03 chân x 27 lần x 1.000.000 đồng = 81.000.000 đồng.

Vào ngày 15/02/2020, bà N1 mở hụi loại hụi 1.000.000 đồng, mỗi tháng khui 01 lần, có 02 dây, dây 01 có 33 chung, dây 02 là 35 chân. Tất cả đứng tên bà H trong danh sách hụi, nhưng bà H có 02 chân, bà N có 04 chân. Dây hụi này đã chết 24 lần x 06 chân = 144.000.000 đồng. Trong số tiền 144.000.000 đồng thì bà H có 02 chân x 24 lần x 1.000.000 đồng = 48.000.000 đồng. Bà N có 04 chân x 24 lần x 1.000.000 đồng = 96.000.000 đồng.

Vào ngày 20/4/2021, bà N1 mở hụi loại hụi 1.000.000 đồng, mỗi tháng khui 01 lần. Bà H tham gia chơi 01 chân đã chết được 09 lần với số tiền 9.000.000 đồng.

Sau khi bà N1 đình hụi vào ngày 21/3/2024 bà và bà H đến nhà bà N1 để chốt nợ. Xác định tổng số tiền bà N1 còn thiếu lại là 12 chân hụi chết ở 03 dây hụi là 135.000.000 + 144.000.000 + 9.000.000 đồng = 288.000.000 đồng, bà Lưu Mỹ N1 có trả được 33.000.000 đồng, số nợ còn lại là 255.000.000 đồng. Giữa bà H, bà N1 và bà N đã cộng sổ và chốt nợ trong 255.000.000 đồng thì khoản nợ của bà H là 78.000.000 đồng, khoản nợ của bà N là 177.000.000 đồng. Bà N1 đồng ý số nợ này có ký tên chốt nợ giao giấy chốt nợ cho bà giữ.

Nay bà xác định yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lưu Mỹ N1 và ông Nguyễn Văn S trả lại cho bà số tiền 177.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

*Tại biên bản làm việc ngày 15 và 24 tháng 7 năm 2025 bị đơn bà Lưu Mỹ N1 trình bày:* Bà là chủ hụi có mở các dây hụi vào các ngày 25/12/2019; 15/02/2020 và 20/12/2021. Bà Nguyễn Thị H có tham gia chơi hụi loại hụi 1.000.000 đồng, mỗi tháng khui 01 lần. Tổng số chân hụi bà H là người trực tiếp đứng tên tham gia chơi hụi với 12 chân hụi. Đến ngày 21/3/2024 do bà đình hụi thì bà Nguyễn Thị Ngọc N và bà Nguyễn Thị H có đến nhà bà để chốt nợ hụi. Sau khi tính toán chốt nợ thì số tiền bà còn thiếu bà H và bà N là 288.000.000 đồng. Bà có trả được 33.000.000 đồng và còn nợ lại 255.000.000 đồng. Giữa bà, bà N và bà H đã thỏa thuận tách số nợ trong khoản nợ bà còn nợ 255.000.000 đồng bà đồng ý trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc N số tiền 177.000.000 đồng, bà đồng ý trả lại cho bà Nguyễn Thị H số tiền 78.000.000 đồng. Chữ viết trong giấy chốt nợ ngày 21/3/2024 “*một trăm bảy bảy triệu, nợ nhi ngày 21 tháng 3 âm lịch, nương*”. Bà

thừa nhận chữ này là chữ của bà và số nợ bà còn nợ bà Nguyễn Thị Ngọc N là 177.000.000 đồng được chốt lại vào ngày 21/3/2024 âm lịch. Sau khi chốt nợ bà có trả được cho bà N 2.000.000 đồng. Bà còn nợ bà Nguyễn Thị Ngọc N là 175.000.000 đồng, bà có hứa sẽ trả cho bà N nhưng bà N vào nhà bà không gặp bà nên bà N mới đi kiện bà. Nay bà xác định bà N kiện bà thì bà đồng ý trả lại cho bà Nguyễn Thị Ngọc N số tiền 175.000.000 đồng và nợ này là của bà không liên quan đến ông S, ông S không biết gì về việc bà làm hui. Thỉnh thoảng khi bà không có ở nhà thì có hui viên gửi hui cho bà thì ông S có nhận rồi giao lại cho bà. Hiện nay bà và ông S vẫn là vợ chồng sống chung nhà với nhau nhưng việc nợ là của bà nên bà đồng ý trả lại nợ cho bà N, không liên quan đến ông S.

Tại biên bản làm việc ngày 15 tháng 7 năm 2025 ông Nguyễn Văn S trình bày: Ông là chồng của bà Lưu Mỹ N1 hiện nay ông và bà N1 vẫn sống chung với nhau tại nhà. Việc bà N1 làm hui ông không có tham gia cùng bà N1, ông không liên quan gì đến việc bà N mở hui, gom hui nên không đồng ý việc bà N kiện ông cùng bà N1 trả nợ cho bà N.

*Tại biên bản làm việc ngày 06 tháng 8 năm 2025 bà Nguyễn Thị H trình bày:* Bà thống nhất với toàn bộ lời trình bày của bà Nguyễn Thị Ngọc N. Bà với bà N là chị em ruột bà đã từng tham gia hui trước đây nên bà có nói với bà N đang tham gia hui của bà N1, bà N nói với bà cho bà N tham gia chung và đứng tên bà cho tiện việc gom hui. Sau khi bà N1 đình hui giữa bà và bà N đến nhà bà N1 và bà N1 đã tách số nợ của bà và bà N. Phần bà N1 nợ bà là 78.000.000 đồng, phần bà N1 nợ bà N là 177.000.000 đồng theo giấy chốt nợ ngày 21/3/2024. Do bận công việc đối với khoản nợ của bà, bà chưa sắp xếp được thời gian để kiện đòi lại nên bà chưa khởi kiện. Bà đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án vắng mặt bà trong vụ án của bà N và bà N1 cho đến khi kết thúc vụ án.

*Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Ngọc N trình bày:* Sau khi chốt nợ bà Lưu Mỹ N1 có trả cho bà được 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Bà yêu cầu bà N1 và ông S tiếp tục trả lại bà số tiền còn nợ là 175.000.000 đồng (*Một trăm bảy mươi lăm triệu đồng*), không yêu cầu lãi suất.

*Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 69/2025/DS - ST ngày 19 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau.*

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc N đối với bà Lưu Mỹ N1 và ông Nguyễn Văn S.

Buộc bà Lưu Mỹ N1 và ông Nguyễn Văn S có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc N số tiền nợ hui là 175.000.000 đồng (*Một trăm bảy mươi lăm triệu đồng*).

Kể từ ngày Nguyễn Thị Ngọc N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Lưu Mỹ N1 và ông Nguyễn Văn S không thi hành khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng

cáo theo luật định.

Ngày 01/12/2025, bà Lưu Mỹ N1 kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận trả cho bà N số tiền 154.500.000 đồng.

**Tại phiên tòa:** người kháng cáo xin vắng mặt.

Tại phần tranh luận: Nguyên đơn yêu cầu giữ y như án sơ thẩm

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định. Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Lưu Mỹ N1, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Cà Mau.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc N khởi kiện yêu cầu bà Lưu Mỹ N1 thanh toán số tiền hụi còn thiếu. Bà Lưu Mỹ N1 thừa nhận làm chủ hụi và nợ bà N. Án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn kháng cáo.

[2] Kháng cáo của bà N1 thực hiện trong hạn luật định, có nộp tạm ứng án phí đúng hạn nên kháng cáo của các đương sự là hợp lệ, được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[3] Xét nội dung kháng cáo của bà N1, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Về nội dung tranh chấp và thừa nhận của các đương sự ở phiên tòa xét xử sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ngọc N yêu cầu bà Lưu Mỹ N1 và ông Nguyễn Văn S trả lại số tiền hụi còn nợ là 175.000.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Ngọc N, bà Lưu Mỹ N1 và bà Nguyễn Thị H thừa nhận bà Lưu Mỹ N1 là chủ hụi bà Nguyễn Thị H là hụi viên tham gia chơi hụi ở các dây hụi mở ngày 25/12/2019; 15/02/2020 và 20/12/2021 với tổng cộng 12 chân hụi chết, loại hụi 1.000.000 đồng, mỗi tháng khai 01 lần. Đến ngày 21/3/2024 giữa bà N, bà H và bà N1 đã làm Giấy chốt nợ hụi và tách các khoản nợ do bà N1 còn nợ lại bà N 177.000.000 đồng, bà H 78.000.000 đồng. Sau khi chốt nợ bà N1 có trả lại cho bà N thêm 2.000.000 đồng, số nợ bà N1 còn nợ lại bà Nguyễn Thị Ngọc N là 175.000.000 đồng. Giấy chốt nợ ngày 21/3/2024 bà N1 thừa nhận chữ viết *một trăm bảy bảy triệu, nợ nhi ngày 21 tháng 3 âm lịch, nương*” là của bà N1 viết giao cho bà N giữ.

[3.2] Bà N1 xác định các khoản nợ trên là nợ của bà, không liên quan đến chồng bà là ông S, nguyên đơn yêu cầu cả ông S cùng có trách nhiệm trả nợ cùng bà N1. Nên các đương sự phát sinh tranh chấp.

[4] Xét kháng cáo của bà N1, hội đồng xét xử xét thấy: bà N1 đặt ra chỉ còn nợ bà N số tiền 154.500.000 đồng không phải số tiền 175.000.000 như án sơ thẩm đã tuyên. Việc chênh lệch số tiền này được bà N1 đặt ra trong đơn kháng cáo. Cụ thể: dây hụi 1.000.000 đồng mở ngày 15/2/2020 đến thời điểm đình hụi là tháng

5/2022. Dây hụi trên bà N1 xác định chỉ chết 23 lần, do có nhiều tháng không gom hụi do dịch bệnh, nhưng bà N1 không có chứng cứ gì chứng minh nên căn cứ vào Giấy chốt nợ ngày 21/3/2024, bà N1 thừa nhận chết 24 lần là phù hợp.

Đối với hụi 1.000.000 đồng mở ngày 20/4/2021, bà H tham gia 1 chung, bà N1 xác định bà không mở dây hụi trên. Đối với số tiền 33.000.000 đồng bà đã đưa trực tiếp cho bà H khi đình hụi, bà yêu cầu chia đôi số tiền trên cho bà H và bà N mỗi người là 16.500.000 đồng. Xét thấy trong vụ án chỉ giải quyết tranh chấp giữa bà N1 và bà N nên việc bà N1 xác định hụi và tiền đã giao dịch với bà H thì bà N1 và bà H tự thương lượng thỏa thuận.

[5] Từ những phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà N1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Đại diện Viện kiểm sát đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Lưu Mỹ N1.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 69/2025/DS - ST ngày 19 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau.

*Tuyên xử:*

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc N đối với bà Lưu Mỹ N1 và ông Nguyễn Văn S.

Buộc bà Lưu Mỹ N1 và ông Nguyễn Văn S có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc N số tiền nợ hụi là 175.000.000 đồng (*Một trăm bảy mươi lăm triệu đồng*).

Kể từ ngày Nguyễn Thị Ngọc N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Lưu Mỹ N1 và ông Nguyễn Văn S không thi hành khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Nguyễn Thị Ngọc N không phải chịu án phí. Bà Nguyễn Thị Ngọc N đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền là 4.425.000 đồng (Bốn triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019281 ngày 11 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4-

Cà Mau) được nhận lại toàn bộ. Nhận tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4- Cà Mau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bà Lưu Mỹ N1 và ông Nguyễn Văn S được miễn án phí theo quy định pháp luật.

*Án phí dân sự phúc thẩm:* Bà Lưu Mỹ N1 được miễn.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**3.** Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 4 – Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đinh Cẩm Đào**